

Số: /QĐ-UBND Lạng Giang, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất
khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, mở rộng
đường trục thôn Giữa, xã Mỹ Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh); Công văn số 2815/SNN-KHTC, ngày 28/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang về công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, mở rộng đường trục thôn Giữa, xã Mỹ Hà;

Theo đề nghị của phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 338/TTr-NN&PTNT ngày 28/6/2023 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo, mở rộng đường trục thôn Giữa, xã Mỹ Hà.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Cải tạo, mở rộng đường trục thôn Giữa, xã Mỹ Hà để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, cụ thể: *(Có biểu phụ lục kèm theo).*

2. Các cơ quan: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm phát triển quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường và UBND xã Mỹ Hà có trách nhiệm:

- Phối hợp thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho đối tượng nơi có đất thu hồi theo quy định.

- Chủ tịch UBND xã Mỹ Hà có trách nhiệm niêm yết quyết định tại Nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi và trụ sở UBND xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính - Kế hoạch, Thanh tra, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước, Chi Cục thuế khu vực Lạng Giang - Lục Nam, Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, Chủ tịch UBND xã Mỹ Hà và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, TH, CNTT, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Thị Hương Lan

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện)

| STT | Loại tài sản | ĐVT | Đơn giá (đồng) |
|-----|--|------------------|----------------|
| 1 | Ao hồ nuôi cá chuyên canh | đ/m ² | 13.700 |
| 2 | Keo Đk gốc 13cm -20cm | đ/cây | 163.000 |
| 3 | Xoan ĐK gốc 13cm -20cm | đ/cây | 163.000 |
| 4 | Tre: cây già ĐK gốc ≥ 7 cm | đ/cây | 34.000 |
| 5 | Sung ĐK gốc $5\text{cm} \leq \Phi < 7\text{cm}$ | đ/cây | 155.000 |
| 6 | Sung ĐK gốc $> 30\text{cm}$: | đ/cây | 555.000 |
| 7 | Sấu ĐK gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 19\text{cm}$ | đ/cây | 635.000 |
| 8 | Vú sữa ĐK gốc $5\text{cm} \leq \Phi < 7\text{cm}$ | đ/cây | 358.000 |
| 9 | Vối Đk gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$ | đ/cây | 345.000 |
| 10 | Núc nác cây từ 2 đến dưới 4 năm tuổi | đ/cây | 68.000 |
| 11 | Sưa ĐK gốc 6cm - 8cm | đ/cây | 300.000 |
| 12 | Cau ĐK gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$ | đ/cây | 195.000 |
| 13 | Khế ĐK gốc $> 30\text{cm}$: | đ/cây | 555.000 |
| 14 | Mít ĐK gốc $7\text{cm} \leq \Phi < 9\text{cm}$ | đ/cây | 372.500 |
| 15 | Mít ĐK gốc $9\text{cm} \leq \Phi < 12\text{cm}$ | đ/cây | 425.000 |
| 16 | Mít ĐK gốc từ $19\text{cm} \leq \Phi < 25\text{cm}$ | đ/cây | 740.000 |
| 17 | Bưởi ĐK gốc $9\text{cm} \leq \Phi < 12\text{cm}$ | đ/cây | 2.027.000 |
| 18 | Bưởi ĐK gốc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$ | đ/cây | 2.306.000 |
| 19 | Na ĐK gốc $> 15\text{cm}$ | đ/cây | 1.317.000 |
| 20 | Ổi ĐK gốc $3\text{cm} \leq \Phi < 5\text{cm}$ | đ/cây | 235.000 |
| 21 | Ổi ĐK gốc $> 15\text{cm}$ | đ/cây | 1.270.000 |
| 22 | Ổi ĐK gốc $11\text{cm} \leq \Phi < 13\text{cm}$ | đ/cây | 895.000 |
| 23 | Nhãn ĐK tán $4\text{m} \leq \Phi < 5\text{m}$ | đ/cây | 1.364.000 |
| 24 | Nhãn ĐK tán $6\text{m} \leq \Phi < 7\text{m}$ | đ/cây | 2.216.000 |
| 25 | Xoài ĐK gốc từ $19\text{cm} \leq \Phi < 25\text{cm}$ | đ/cây | 740.000 |
| 26 | Hồng Xiêm ĐK gốc $12\text{cm} \leq \Phi < 15\text{cm}$ | đ/cây | 795.000 |
| 27 | Hồng Xiêm ĐK gốc $15\text{cm} \leq \Phi < 20\text{cm}$ | đ/cây | 1.120.000 |